ÔN TẬP LỚP 11

MA TRẬN ĐỀ

T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng % điểm
	Đọc	Thơ văn Nguyễn Du (Truyện thơ Nôm - Truyện Kiều)	**2** (15%)	**3** (30%)	**2** (15%)	**60**
		Kí (Tùy bút, Tản văn, Truyện kí)				
	Viết	Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học	**1*** (15%)	**1*** (25%)	**1*** (15%)	**40**
Tổng			***30%***	***40%***	***30%***	**100**
Tỉ lệ chung			**70%**		**30%**	

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	KĨ NĂNG	NỘI DUNG/ĐƠN VỊ KĨ NĂNG	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
			NHẬN BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG
1	**Đọc hiểu**	**Thơ văn Nguyễn Du (Truyện thơ Nôm - Truyện Kiều)**	- Nhận biết được các yếu tố của Truyện thơ Nôm: người kể chuyện, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ - Nhận biết từ ngữ, hình ảnh, chi tiết - Nhận biết các biện pháp tu từ, hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường - …	- Tóm tắt được cốt truyện - Phân tích, đánh giá được đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; - Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, biện pháp tu từ; ngôn ngữ độc thoại, bút pháp miêu tả, cốt truyện, sự kiện, chi tiết, nhân vật… - Phân tích và đánh giá được vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện thơ Nôm - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong văn bản.	- Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hóa được thể hiện trong văn bản. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để nhận xét, đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của văn bản đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề được đặt ra trong Truyện thơ Nôm - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa các văn bản văn học; liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn về tác phẩm.
		Tùy bút, Tản văn,	- Nhận biết được thể loại, các sự kiện, các	- Phân tích, đánh giá được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện,	- Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về

		Truyện kí	chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, người kể, ngôi kể, nhân vật… - Nhận biết các yếu tố phi hư cấu, hư cấu; yếu tố tự sự, trữ tình - Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt phóng sự, hồi kí	nhân vật và mối quan hệ của chúng trong chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; - Phân tích đánh giá được tác dụng của yếu tố phi hư cấu, hư cấu; yếu tố tự sự , trữ tình và mối quan hệ giữa chúng; một số thủ pháp như miêu tả, trần thuật, biểu cảm; sự kết hợp chi tiết, sự kiện với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết - Phân tích, đánh giá được các giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của các tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản.	lịch sử, văn hóa được thể hiện trong văn bản. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để nhận xét, đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của văn bản đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề được đặt ra trong văn bản - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa các văn bản văn học; liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn về tác phẩm.
	2	**Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học**	- Xác định được yêu cầu về nội dung, hình thức của bài văn thuyết minh - Nêu được tác phẩm văn học cần thuyết minh - Xác định rõ mục đích, đối tượng, phạm vi, các yếu tố của văn bản thuyết minh - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản thuyết minh	- Trình bày rõ các nội dung, khía cạnh cần thuyết minh về tác phẩm văn học - Ngôn ngữ, số liệu, thông tin, khái niệm… rõ ràng, xác thực, dễ hiểu, sinh động - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn ngữ, bố cục với nội dung, mục đích thuyết minh và tác phẩm văn học cần thuyết minh - Sử dụng yếu tố tự sự, biểu cảm, nghị luận - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp	- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của tác phẩm văn hoc với cuộc sống. - Lồng ghép sáng tạo, hiệu quả các yếu tố tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng tính hấp dẫn, gợi cảm cho bài viết - Vận dụng hiệu quả kiến thức và kĩ năng thực hành tiếng Việt để viết bài - Vận dụng tốt kiến thức ở các lĩnh vực khác để viết bài - Có góc nhìn mới mẻ - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo

SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **TRƯỜNG THPT HÒA VANG** ĐỀ THAM KHẢO	**KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2025 - 2026** **Môn: Ngữ văn, Lớp 11** *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ và tên học sinh: …….. Lớp: ……..

I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi/thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: - "Sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?"
Vương Quan mới dẫn gần xa:
- "Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh.
Kiếp hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân, thoắt gãy cành thiên hương.
Có người khách ở viễn phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ!"
[...]
Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa:
- "Đau đớn thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
Phũ phàng chi bấy hóa công!
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.
Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống làm ma không chồng!"

(Trích ***Truyện Kiều***, Nguyễn Du, NXB Văn học, 2002, tr. 58 – 59)

Câu 1. Cho biết ngôi kể trong đoạn trích? Xác định đâu là lời của người kể chuyện?

Câu 2. Xác định bối cảnh không gian, thời gian và hoàn cảnh nảy sinh cuộc đối thoại của các nhân vật?

Câu 3. Nhận xét về đặc sắc ngôn ngữ truyện thơ được thể hiện trong đoạn trích?

Câu 4. Chỉ ra và cho biết hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong câu thơ: *"Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha"*

Câu 5. Qua cuộc đối thoại, anh/chị hiểu như thế nào về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều?

Câu 6. Kể tên một số tác phẩm cùng đề tài mà anh/chị biết

Câu 7. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: *"Đau đớn thay, phận đàn bà!/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"*? Viết đoạn văn 7- 10 dòng thể hiện quan điểm của bản thân.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn thuyết minh (600 chữ, có sử dụng một hoặc các yếu tố tự sự, biểu cảm, nghị luận) về bài thơ sau:

GẶP LÁ CƠM NẾP

Xa nhà đã mấy năm
Thèm bát xôi mùa gặt
Khói bay ngang tầm mắt
Mùi xôi sao lạ lùng.

Mẹ ở đâu, chiều nay
Nhặt lá về đun bếp
Phải mẹ thổi cơm nếp
Mà thơm suốt đường con.

Ôi mùi vị quê hương
Con quên làm sao được
Mẹ già và đất nước
Chia đều nỗi nhớ thương.

Cây nhỏ rừng Trường Sơn
Hiểu lòng nên thơm mãi…

(Thanh Thảo, *Dấu chân qua trảng cỏ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr. 38 - 39)

Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946, sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tốt nghiệp khoa Ngữ văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Thanh Thảo vào công tác ở chiến trường miền Nam. Ông là một nhà thơ, nhà báo trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và thời hậu chiến: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978), *Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988)… Thơ ông có sự cách tân vô cùng độc đáo, mới lạ cả về nội dung và hình thức thể hiện. Tuy nhiên, ông cũng có không ít những bài thơ đời thường, giản dị, nhất là khi viết về người lính, về mẹ.

Những năm gần đây, Thanh Thảo vẫn tiếp tục làm thơ đồng thời viết báo, tiểu luận phê bình và nhiều thể loại khác, nhưng đóng góp quan trọng và đặc sắc nhất của ông vẫn là thơ ca.

Gặp lá cơm nếp được trích trong tập thơ *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978). Bài thơ này đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**5.0**
	1	- Người kể chuyện: Ngôi thứ ba - Lời của người kể chuyện: + *Nao nao dòng nước uốn quanh,* *Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.* *Sè sè nắm đất bên đường,* *Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh* + *Vương Quan mới dẫn gần xa:* + *Lòng đâu sẵn mối thương tâm* *Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa:* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu đúng đáp án: 1.0 điểm* *- Học sinh chỉ ra 1 đoạn thơ là lời của người kể chuyện: 0.25*	0.75
	2	- Không gian: tảo mộ - Thời gian: Tiết thanh minh - Hoàn cảnh nảy sinh: Nhìn thấy nấm mộ của Đạm Tiên vắng lạnh, không ai hương khói ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu đúng đáp án: 0.75 điểm* *- Học sinh chỉ ra 1/3 ý: 0.25 điểm*	0.75
	3	Đặc sắc ngôn ngữ truyện thơ: + Kết hợp ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật (ngôn ngữ kể và ngôn ngữ đối thoại) + Ngôn ngữ tinh tế, gợi hình, gợi cảm (từ láy, từ Hán Việt, thành ngữ) ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm* *- Học sinh trả lời ½ ý trong đáp án: 0.5điểm*	1.0
	4	- **Phép đối**: *Ngày xanh mòn mỏi/má hồng phôi pha* - **Tác dụng** + Làm nổi rõ số phận mòn mỏi, chóng phai tàn của kiếp hồng nhan + Thái độ xót xa, thương tiếc của tác giả + Tăng sức diễn đạt hình ảnh, giàu sức biểu cảm ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu đúng phép đối: 0.5 điểm* *- Học sinh nêu các biện pháp khác (ẩn dụ/hoán dụ): 0.25* *- Học sinh nêu được 2/3 tác dụng của biện pháp tu từ: trọn điểm 0.5*	1.0
	5	Vẻ đẹp của Thúy Kiều: Nhạy cảm, giàu lòng yêu thương trắc ẩn ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án 0.5 điểm* *- Học sinh nêu ½ ý trong đáp án: 0.25 điểm*	1.0
	6	Kể tên một số tác phẩm cùng đề tài mà anh/chị biết - Truyện người con gái Nam Xương - Chinh phụ ngâm	

		- Bánh trôi nước - Đọc Tiểu Thanh Kí - … ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời tác phẩm: 0.25điểm* *- Học sinh trả lời được 2 tác phẩm: 0.5 điểm*	
	7	- Học sinh có thể đồng tình/không đồng tình song cần nêu rõ lí do thuyết phục (0.75 điểm) - Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, nêu rõ quan điểm (0.25 điểm) ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án 1.0 điểm* *- Giáo viên linh hoạt chấm điểm ở các thang điểm khác*	1.0
II		**VIẾT**	**5.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Thuyết minh về bài thơ "Gặp lá cơm nếp"	0.25
		c. Triển khai vấn đề thuyết minh thành các luận điểm HS có thể triển khai thông tin về đối tượng bằng nhiều cách song cần chú ý một số nội dung sau: * Mở bài: Giới thiệu tác phẩm cần thuyết minh. * Thân bài: - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả (tên, tuổi, quê quán, xuất thân, cuộc đời và những đóng góp…) - Giới thiệu chung về tác phẩm (Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, thể loại, đề tài, cảm hứng chủ đạo…) - Giới thiệu về giá trị nội dung (Nỗi nhớ thương và tình yêu giành cho mẹ, cho đất nước: có thể giới thiệu theo bố cục, mạch cảm xúc hoặc theo ý…) - Giới thiệu về giá trị nghệ thuật (thể thơ, cấu tứ, hình ảnh, từ ngữ, nhạc điệu, biện pháp tu từ…) * Kết bài: Khẳng định vị trí, đóng góp của tác phẩm đối với đời sống văn học * Có sử dụng một hoặc các yếu tố: tự sự, biểu cảm, nghị luận ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của đáp án: 2,0 điểm (mỗi ý 0,5 điểm)* *- Học sinh trình bày đủ ý, đáp ứng tương đối các yêu cầu của đáp án: 1,5 – 1,75 điểm* *- Giáo viên linh hoạt cho điểm ở các trường hợp cụ thể*	2.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		e. Sáng tạo: *Học sinh biết tạo lập văn bản thuyết minh, vận dụng vốn hiểu biết phong phú, nghị luận sắc bén để viết bài hoàn chỉnh, tạo sức hấp dẫn, lôi cuốn.*	0.5
Tổng điểm			**10.0**